

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI
ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU NGUỒN GIỐNG
CỦA MỘT SỐ NGUỒN LỢI THỦY SINH VẬT CHỦ YẾU LIÊN QUAN
ĐẾN RẠN SAN HỒ VÙNG VEN BỜ ĐÀ NẴNG, TỪ ĐÓ ĐỀ XUẤT CÁC
GIẢI PHÁP BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ

Nguyễn Thị Tường Vi¹, Lê Hoàng Thúy², Võ Văn Quang³, Nguyễn Đỗ Tám²

- 1 : Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
- 2 : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP Đà Nẵng
- 3 : Viện Hải dương học

Người trình bày: ThS.NCS Nguyễn Thị Tường Vi



ĐẶT VẤN ĐỀ

- Ngoài những giá trị về kinh tế, giải trí, thẩm mỹ, Rạn san hô còn là môi trường mà nhiều loài phụ thuộc hoàn toàn vào nó. Nhiều loài khác coi rạn là nơi ở cấp thiết trong giai đoạn dễ bị đe dọa của chu trình sống và rạn được sử dụng để kiếm ăn, đẻ trứng hoặc được coi là bãi ương giống.
- Nguồn giống nguồn lợi trong rạn san hô rất phong phú, góp phần vào việc cung cấp con giống để nuôi thương phẩm trong bối cảnh nhiều loài vẫn chưa thể sinh sản nhân tạo, đồng thời bổ sung quần đàn tái tạo nguồn lợi sinh vật biển.



ĐẶT VẤN ĐỀ

- Bán đảo Sơn Trà-Đà Nẵng có 104,6 ha rạn san hô phân bố quanh bán đảo, là điều kiện thích hợp ương dưỡng của nhiều đối tượng nguồn lợi quan trọng. Tuy nhiên hiện nay nguồn lợi trên các hệ sinh thái và vùng nước xung quanh vùng ven bờ Đà Nẵng đã bị khai thác quá mức, điều này sẽ ảnh hưởng đến quá trình bổ sung và phục hồi nguồn lợi trong tương lai (Nguyễn Văn Long, 2006). Xuất phát từ tình hình đó UBND Thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt và cho phép thực hiện đề tài **“Điều tra nghiên cứu nguồn giống của một số đối tượng thủy sinh vật chủ yếu liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng, từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ và quản lý.”**



MỤC TIÊU

- Cung cấp các dữ liệu về hiện trạng, thành phần, mật độ, phân bố của nguồn giống một số đối tượng nguồn lợi liên quan đến rạn san hô dùng làm thực phẩm có giá trị kinh tế cao vùng biển quanh rạn san hô bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững.



NỘI DUNG

- 1/ Đánh giá hiện trạng khai thác nguồn giống nguồn lợi liên quan đến rạn san hô vùng bán đảo Sơn Trà-Đà Nẵng.
- 2/ Đánh giá hiện trạng nguồn giống các đối tượng nghiên cứu.
- 3/ Đánh giá hiện trạng công tác quản lý nguồn lợi liên quan đến đối tượng nghiên cứu.
- 4/ Đề xuất các giải pháp khai thác, quản lý, bảo vệ nguồn giống và tái tạo các đối tượng nguồn lợi chủ yếu.



ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- **Đối tượng nghiên cứu:** Tôm hùm giống, con giống cá mú, cá hồng, cá dìa và cá giò.
- **Phạm vi và thời gian nghiên cứu:** vùng biển ven bờ bán đảo Sơn Trà, từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 2 năm 2014.



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp thu thập thông tin

1.1 Điều tra hiện trạng khai thác

Ngư dân 4 phường Mân Thái, Nại Hiên Đông, Thọ Quang và Thuận Phước

- *Điều tra bằng phiếu:*
 - 203 phiếu điều tra nguồn lợi thủy sản thương phẩm
 - 33 phiếu điều tra nguồn lợi giống
- *Tham vấn cộng đồng (Walters & cs., 1998)*

Tổ chức 5 đợt tham vấn



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.2 Xác định sản lượng khai thác

Stamatopoulos (2002)

$$P = \text{CPUE} * \text{Số ngày hoạt động tiềm năng} * \text{Số lượng tàu/ghe} * \text{BAC}$$

Trong đó:

- CPUE (Catch Per Unit Effort) là năng suất khai thác của một tàu làm một loại nghề cụ thể (con (kg)/ ghe/ ngày).
- BAC (Boat Active Coefficient) = Số lượng ghe đi khai thác/ tổng số ghe hiện có.



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2. Phương pháp thu mẫu giống

2.1 Mẫu định tính

Mua mẫu từ ngư dân để xác định thành phần loài.

Tổng số mẫu:

Mẫu cá: 400 con

Mẫu tôm hùm: 35 con

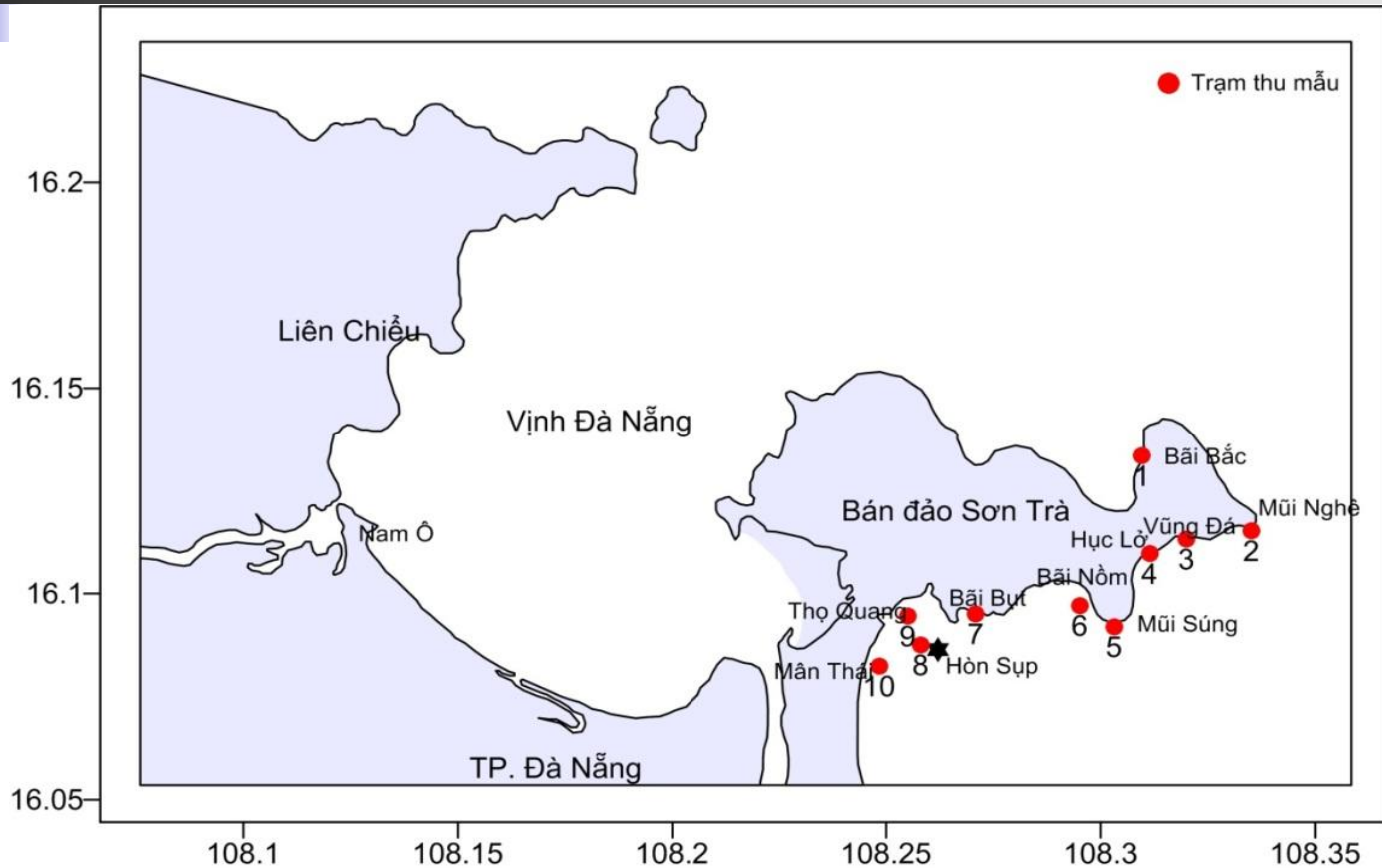
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2 Mẫu định lượng

- Thu mẫu 12 đợt/12 tháng (từ 4/2012 -4/2013)
- Tọa độ được xác định bằng máy định vị cầm tay GPS
- Tại vị trí khảo sát dùng dây dài 100m căng trên nền đáy. Dọc theo dây ra mỗi bên 2 m, thợ đếm và bắt con giống để xác định loài, mật độ là số con/400m²



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



Vị trí thu mẫu giếng vùng rạn san hô ven bờ Đà Nẵng



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3/ Phương pháp phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm

- *Phương pháp phân tích mẫu cá*

Phân loại cá giống theo Leis & Rennis (1983); Leis & Trnski (1989), Nguyễn Nhật Thi (2008).

- *Phương pháp phân tích mẫu tôm*

Berry (1971Berry (1971), Cobb & Phillips (1980Berry (1971), Cobb & Phillips (1980), Holthuis (1991Berry (1971), Cobb & Phillips (1980), Holthuis (1991), Phillips & Kittaka (2000Berry (1971), Cobb & Phillips (1980), Holthuis (1991), Phillips & Kittaka (2000) và Pitcher (1993), Nguyễn Văn Chung & Phạm Thị Dự (1995).

- *Phương pháp thống kê xử lý số liệu*

Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel, Vẽ sơ đồ trạm vị khảo sát và



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 1/ Hiện trạng khai thác nguồn giống nguồn lợi liên quan đến rạn san hô vùng bán đảo Sơn Trà-Đà Nẵng.
- 2/ Hiện trạng nguồn giống cá và tôm hùm.
- 3/ Hiện trạng công tác quản lý nguồn lợi giống.
- 4/ Đề xuất giải pháp khai thác, quản lý, bảo vệ nguồn giống và tái tạo các đối tượng nguồn lợi chủ yếu.

Hiện trạng khai thác nguồn giống nguồn lợi liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng.

Hiện có 4 đối tượng giống thủy sinh vật liên quan đến rạn san hô có giá trị kinh tế cao đang được khai thác vùng ven bờ Đà Nẵng:

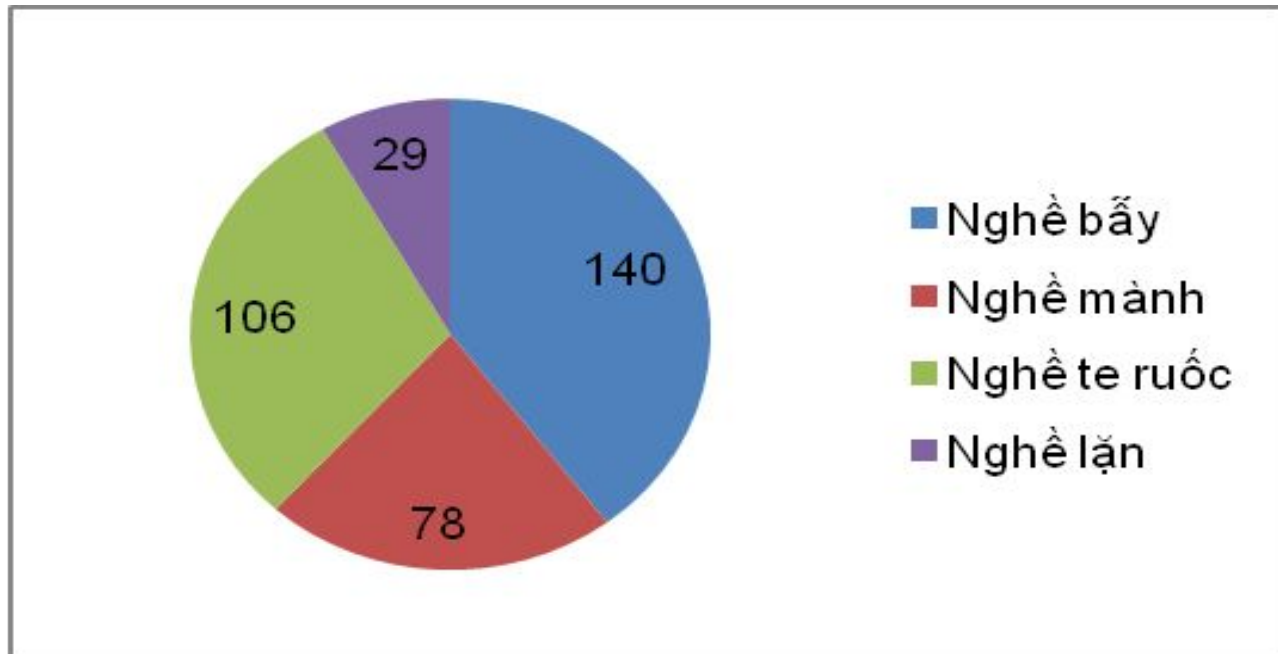
- Tôm hùm (Palinuridae)
- Cá mú (Serranidae)
- Cá hồng (Lutjanidae)
- Cá dò, dìa (Siganidae)



Hiện trạng khai thác nguồn giống thủy sinh vật liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng.

1. Các loại nghề khai thác nguồn giống

Có 353 phương tiện khai thác nguồn giống với các loại nghề



Các loại nghề khai thác giống

- *Nghề bẫy*: 2 bao xi măng, xếp đều theo hình chữ nhật, cột vào "dây con" thành sào, một đầu được cố định bằng phao cho sào nổi còn một đầu được nối với bao đất khoảng 30kg để cố định ở đáy, mỗi sào như vậy gọi là 01 bẫy



Các loại nghề khai thác giống

- Nghề bẫy





Nghề bẫy

- Nghề đầu tư thấp nhưng chiếm nhiều diện tích vùng ven bờ, cản trở giao thông, mất mỹ quan
- Thành phần nguồn lợi khai thác không chủ đích nhiều.



Các loại nghề khai thác giống

- *Nghề màn*

Khai thác bằng màn được cố định bằng phương tiện công suất từ 15 đến 22 cv và có thể bằng bè kết hợp với chiếu ánh sáng để nhử tôm.

Mỗi thuyền có 4 - 6 máng đèn tùy thuộc vào công suất của phương tiện, ngoài ra còn trang bị thêm đèn neon có cường độ 300 - 1.000w để nhử tôm hùm giống

Nghề màng



Các loại nghề khai thác giống



- *Nghề te ruốc*

Nghề này có hệ thống xúc gồm 02 gọng hình chữ V bằng tre dài 9 - 17m, đầu gọng hay miệng rộng 6 - 12m



Nghề màng

Tôm hùm khai thác bằng lưới màng và te ruốc dễ bị tác động, xây sát mạnh do va chạm với lưới, đặc biệt tôm có thể ở giai đoạn hậu ấu trùng (puerulus) và bắt đầu chuyển sang tôm non (tôm “trắng hồng”). Nghề màng ảnh hưởng đến các đối tượng thủy sản khác trong quá trình khai thác do sử dụng nguồn ánh sáng mạnh.

Nghề te ruốc

Nghề te ruốc khai thác tập trung ở tầng mặt, tôm giống khai thác thường có kích thước nhỏ.



Các loại nghề khai thác giống



- *Nghề lặn*

Thợ lặn sử dụng oxy qua đường dây dẫn từ máy nén khí đặt trên ghe. Khu vực khai thác chủ yếu ở các vùng rạn ngầm, rạn san hô bán đảo Sơn Trà.

Đây là nghề khai thác có chọn lọc.

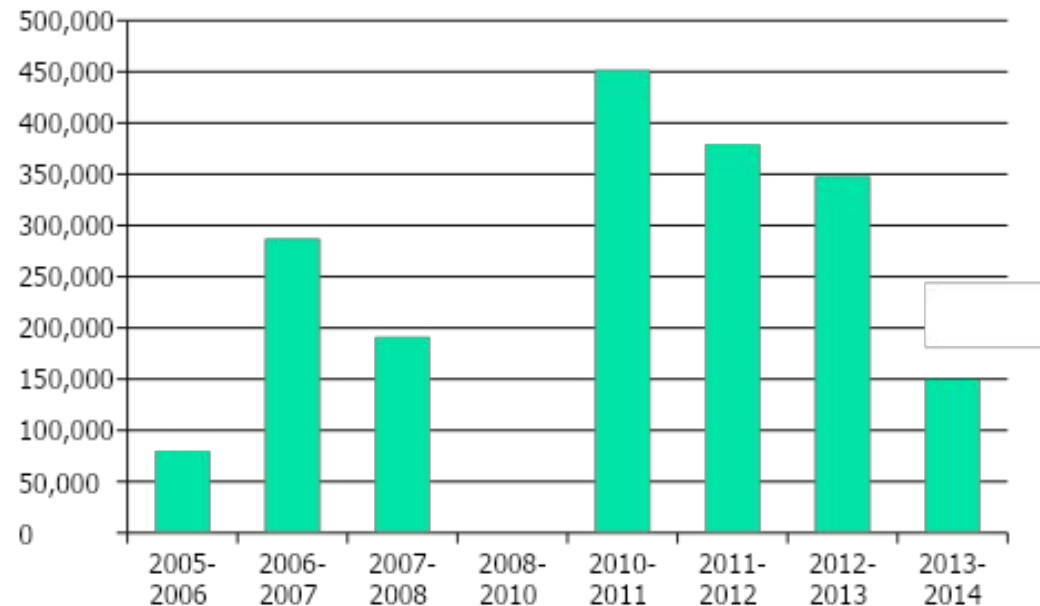
Các loại nghề khai thác giống



- *Nghề lặn*
Xâm hại đến nền đáy và làm giảm chất lượng các sinh cư (rạn san hô, thảm rong biển, thảm cỏ biển) nếu lặn không có kỹ thuật

Hiện trạng khai thác nguồn lợi giống liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng.

2. Sản lượng



Sản lượng tôm hùm giống từ năm 2005 đến 2014

Hiện trạng khai thác nguồn lợi giống liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng

- Sản lượng nguồn giống:
Cá mú con: 5.500 con/năm
Cá giò con: 8 tấn/năm
Cá dìa con: 1.000-2.000 con/năm





Hiện trạng khai thác nguồn lợi giống liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng

Sản lượng và doanh thu từ nguồn lợi giống liên quan đến rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng năm 2010-2011

Stt	Tên đối tượng	Sản lượng	Doanh thu
1	Tôm hùm	412.490 con	70.644.500.000 VNĐ
2	Cá mú	5.500 con	55.000.000 VNĐ
3	Cá giò	8 tấn	56.000.000 VNĐ
4	Cá dìa	X	X



Sự thay đổi nguồn lợi

- Sản lượng nguồn lợi thuỷ sản giảm 30-80% so với 5-10 năm trước đây.
 - Nguyên nhân:
 - Khai thác quá mức
 - Ô nhiễm môi trường
- Ngoài ra còn do hoạt động du lịch, phát triển cơ sở hạ tầng và biến đổi khí hậu.

Các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn lợi



Khai thác quá mức

- Tàu công suất dưới 20 cv chiếm trên 50% tổng số tàu thuyền của thành phố

- Sử dụng ngư cụ khai thác có tính huỷ diệt nguồn lợi (lờ xếp Trung Quốc, giã cào...)



Khai thác quá mức

- Khai thác đối tượng cấm khai thác, thời gian cấm khai thác, kích thước nhỏ hơn quy định.
- Khai thác bằng các nghề lưới kéo, kết hợp ánh sáng sai tuyến quy định





Khai thác quá mức

Đánh bắt trứng và cá non

Khai thác cá con; khai thác tôm hùm, cá song, mực lá... đang mang trứng.

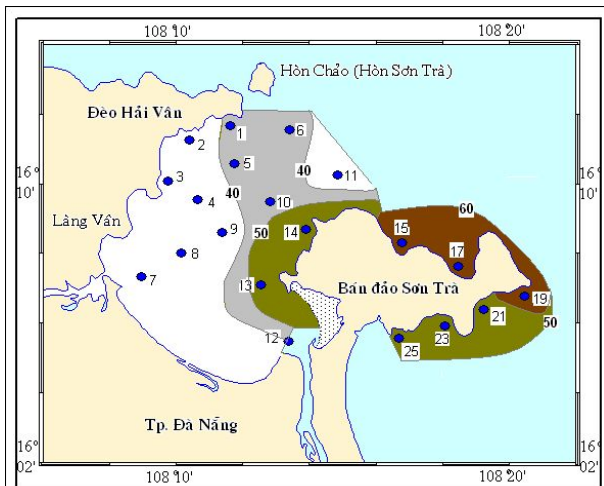
Đánh bắt nhiều sản phẩm phụ

Các ngư cụ không có tính chọn lọc đánh bắt tất cả các loại. Sản phẩm khai thác được bao gồm các loài cá có và không có giá trị thương phẩm.

Ô nhiễm môi trường

■ Chất lượng nước

- Nguyễn Văn Long (2006) :Tình trạng ô nhiễm hữu cơ chưa lớn
- Chương trình quan trắc của TPĐN: Nhìn chung chất lượng nước biển ven bờ đạt tiêu chuẩn QCVN 10: 2008/BTNMT.



Vị trí khảo sát chất lượng nước của Nguyễn Văn Long (2006)



Vị trí quan trắc thuộc chương trình quan trắc của TPĐN

Ô nhiễm môi trường

- **Lắng đọng trầm tích**

Khảo sát của Nguyễn Văn Long năm 2004-2005 cho thấy tốc độ lắng đọng trầm tích trên các rạn san hô vùng ven bờ Đà Nẵng tương đối cao, đặc biệt là khu vực nam Sơn Trà trong mùa mưa



Ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm từ các tác động khác





Nội dung 2:

HIỆN TRẠNG NGUỒN GIỐNG NGUỒN LỢI

- Nguồn giống cá
- Nguồn giống tôm hùm



Nguồn giống cá

1. Thành phần loài và mùa vụ

Đã xác định vùng rạn san hô ven bờ Đà Nẵng có 14 loài cá giống nguồn lợi có giá trị kinh tế, thuộc 3 họ, 1 bộ (Danh sách thành phần loài nguồn giống cá.docx)

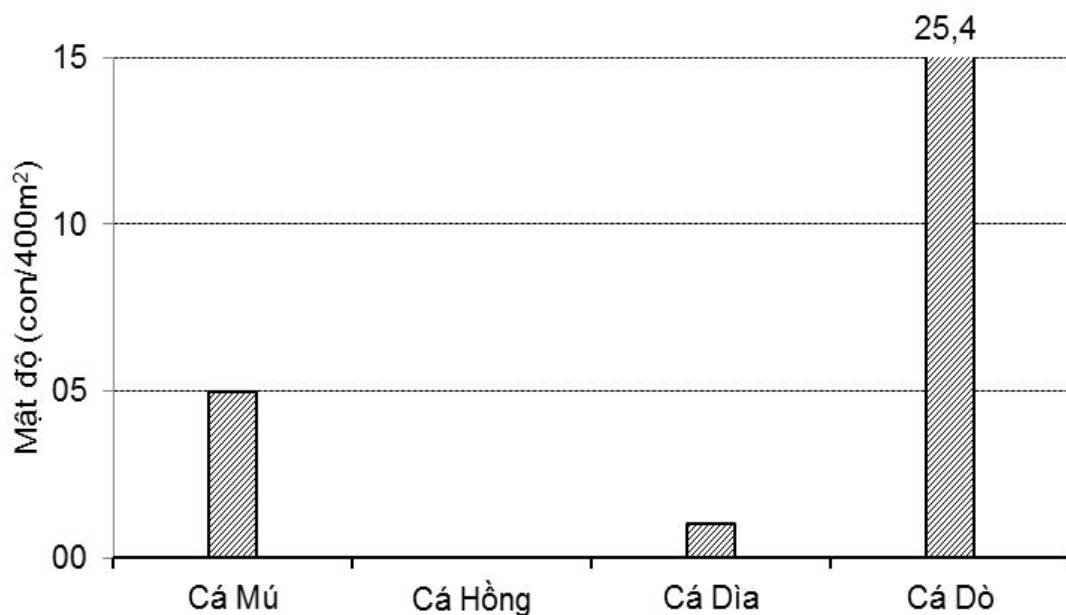


Nguồn giống cá

- Cá giống trong rạn san hô Sơn Trà có nhiều loài có giá trị kinh tế cao, là đối tượng đang được đưa vào nuôi trồng ở Việt Nam như cá Song gio (*Epinephelus awoara*), cá Mú mè (*Epinephelus coioides*), Cá Mú điểm gai (*Epinephelus malabaricus*), cá Dìa công (*Siganus guttatus*) và một số loài đã được nuôi ở các nước trên thế giới như cá Hồng vảy ngang (*Lutjanus johnii*).

Nguồn giống cá

■ Mật độ



Mật độ trung bình của con giống các nhóm cá

Mật độ chung: 32con/400m²
Cá Mú (Serranidae) : 5con/400m²
Cá Dìa công (*S.guttatus*): 1 con/400m²
Cá Dò (*Siganus* spp): 25,4con/400m²
Cá Hồng ((Lutjanidae): 0,1 con/400m²



Nguồn giống cá

■ Mùa vụ

- 📌 Cá Mú (Serranidae) và cá Dò (*Siganus spp*) xuất hiện nhiều vào tháng 4 đến tháng 9
- 📌 Cá Dìa công (*Siganus guttatus*) xuất hiện từ tháng 6-9 hàng năm, tập trung vào tháng 8.
- 📌 Cá Hồng (Lutjanidae) bắt gặp ở tháng 6 và 7

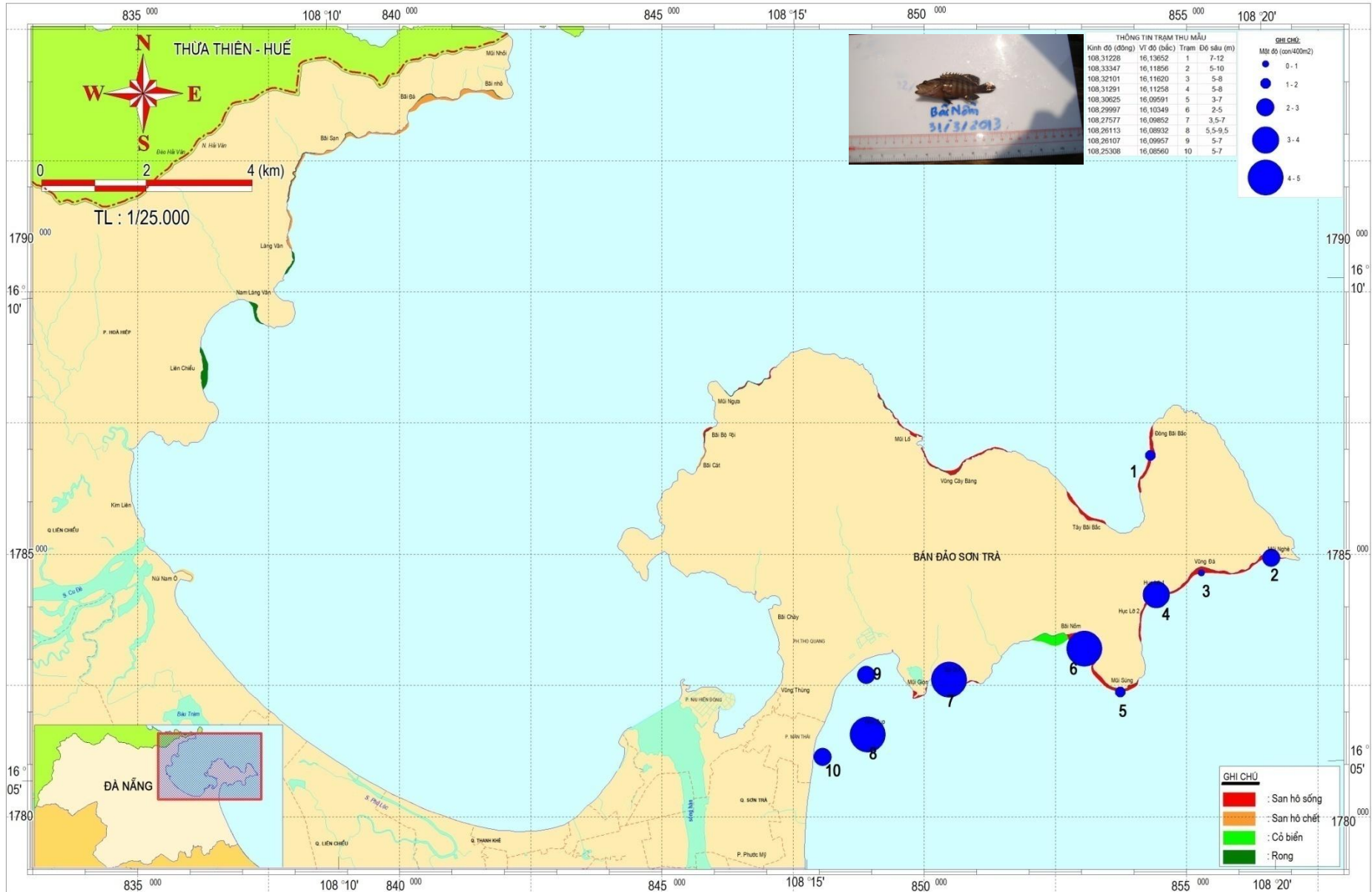


Nguồn giống cá

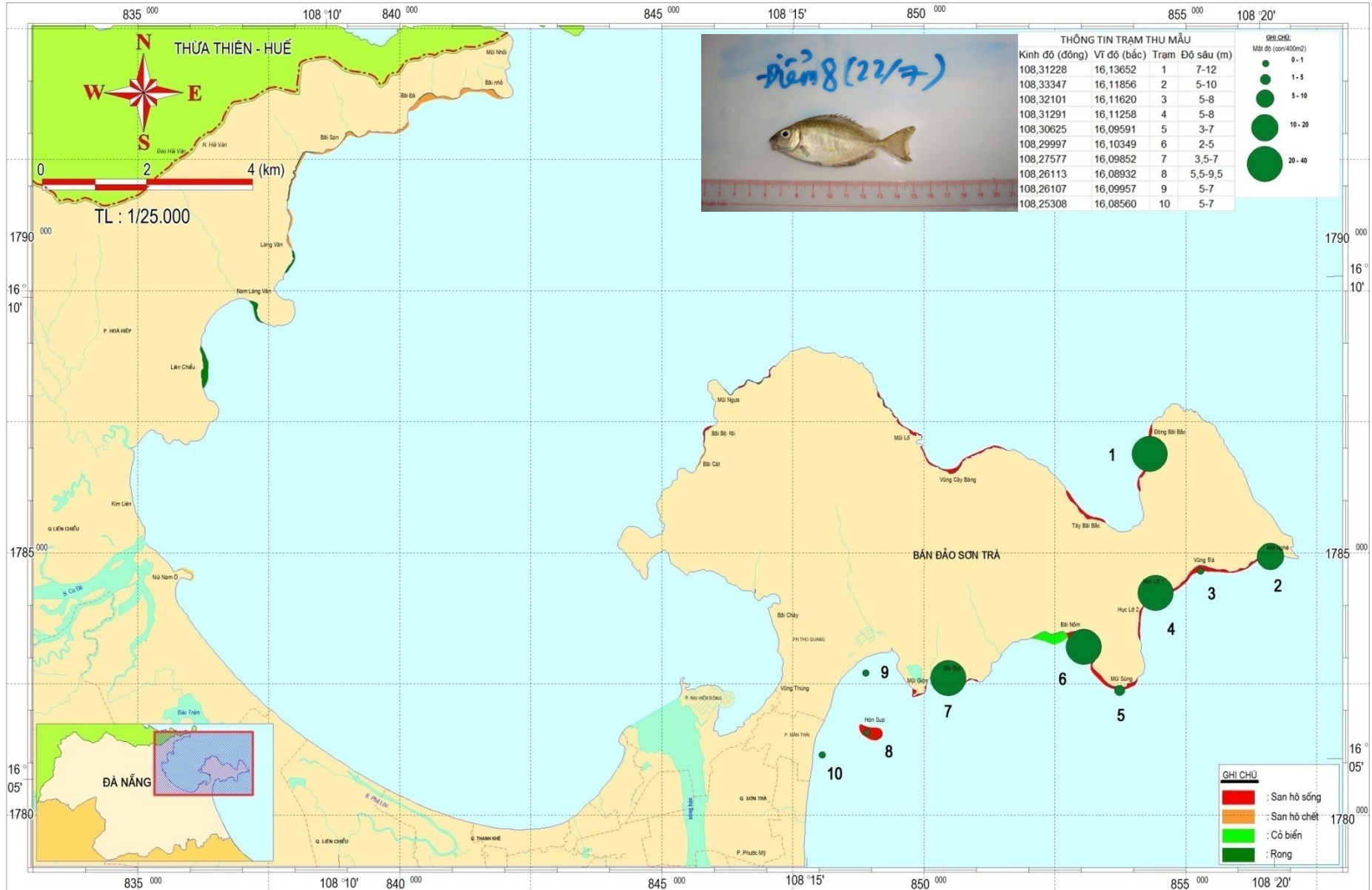
■ Phân bố

Cá giống chủ yếu tập trung trong các rạn san hô hoặc kết hợp giữa san hô và cỏ biển.

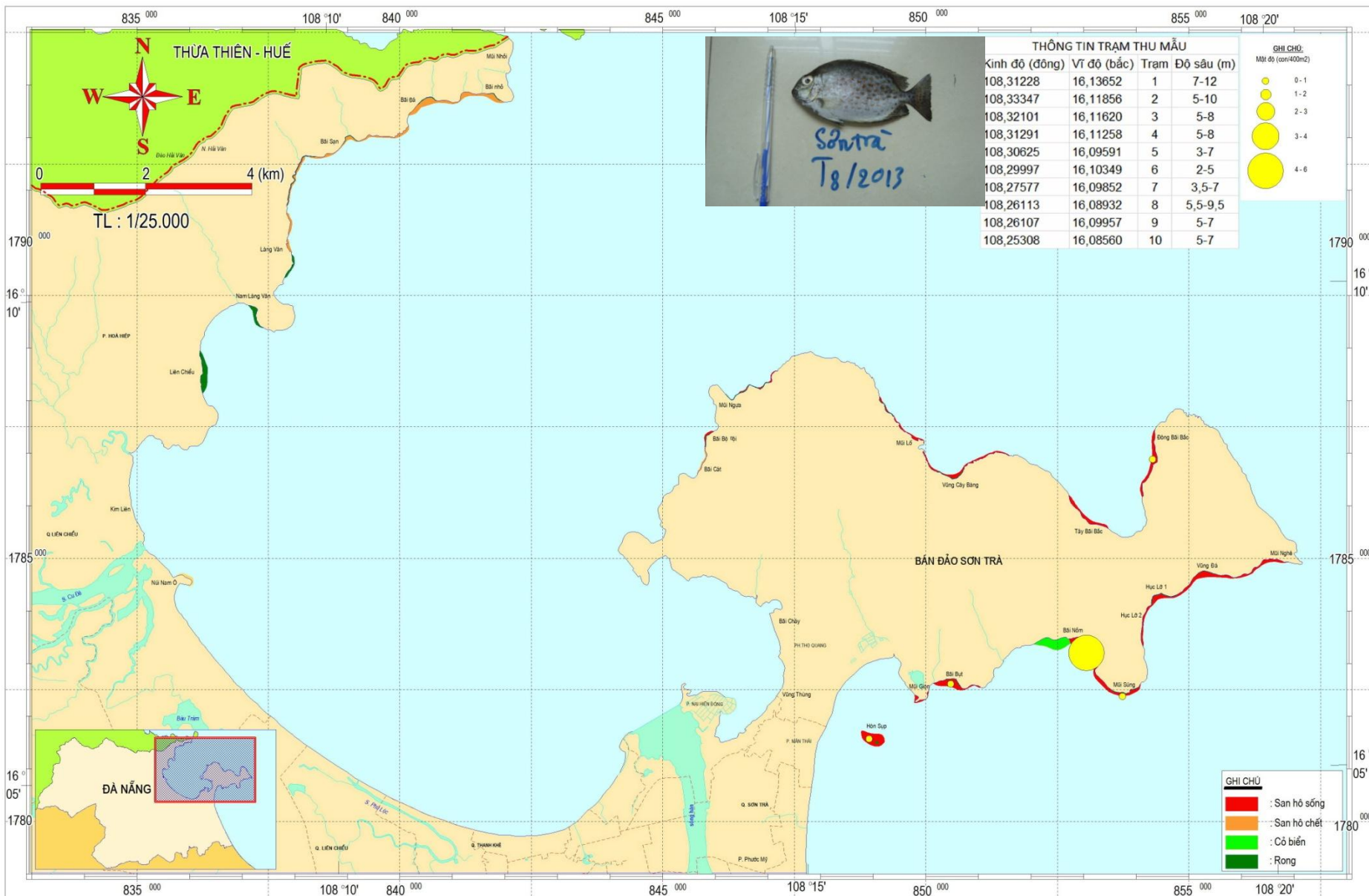
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ KHU VỰC XUẤT HIỆN CÁ MÚ GIỐNG

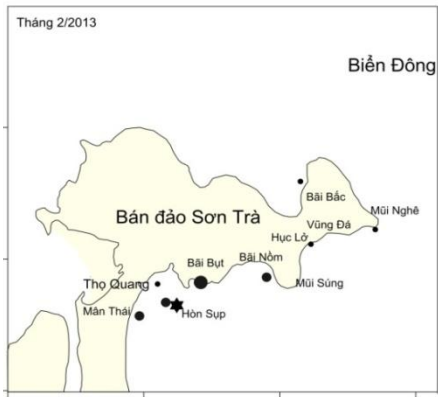
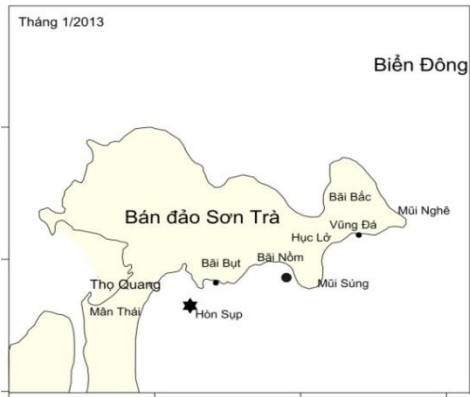
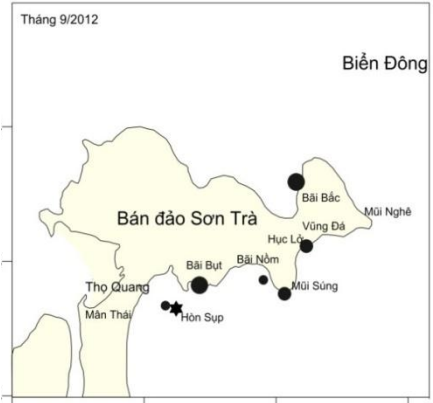
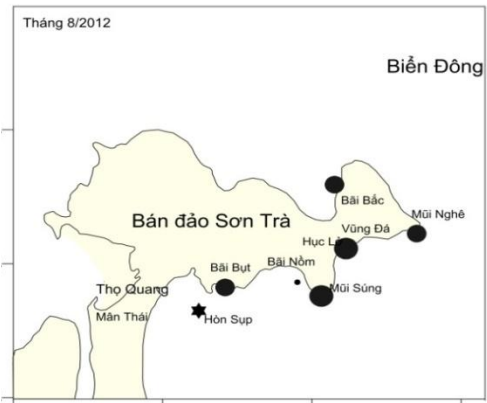
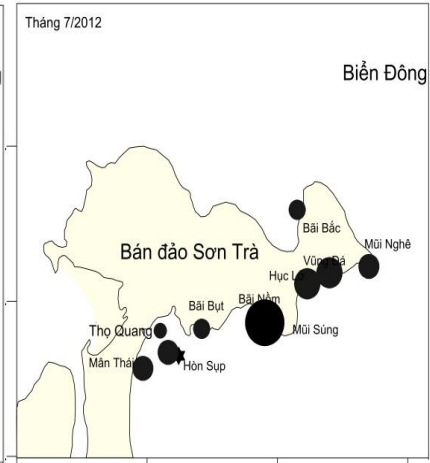
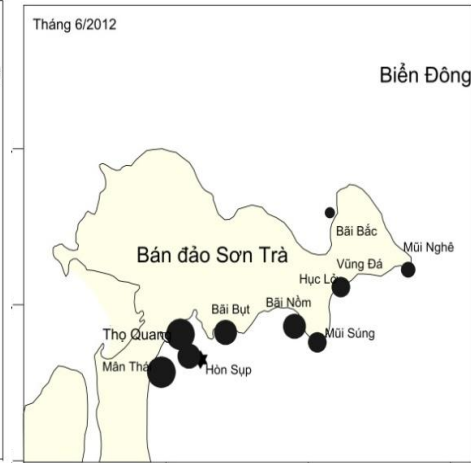
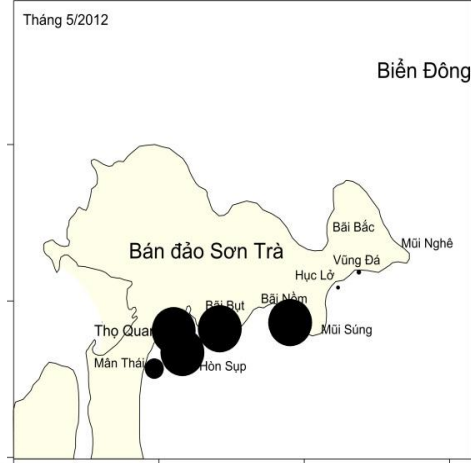
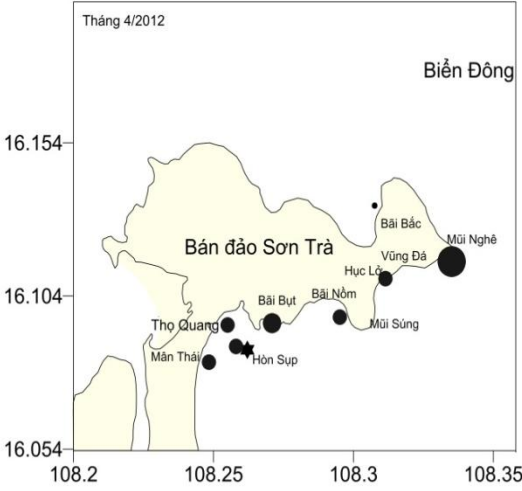


BẢN ĐỒ PHÂN BỐ KHU VỰC XUẤT HIỆN CÁ DÒ GIỐNG



BẢN ĐỒ PHÂN BỐ MẬT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁ DÌA GIỐNG





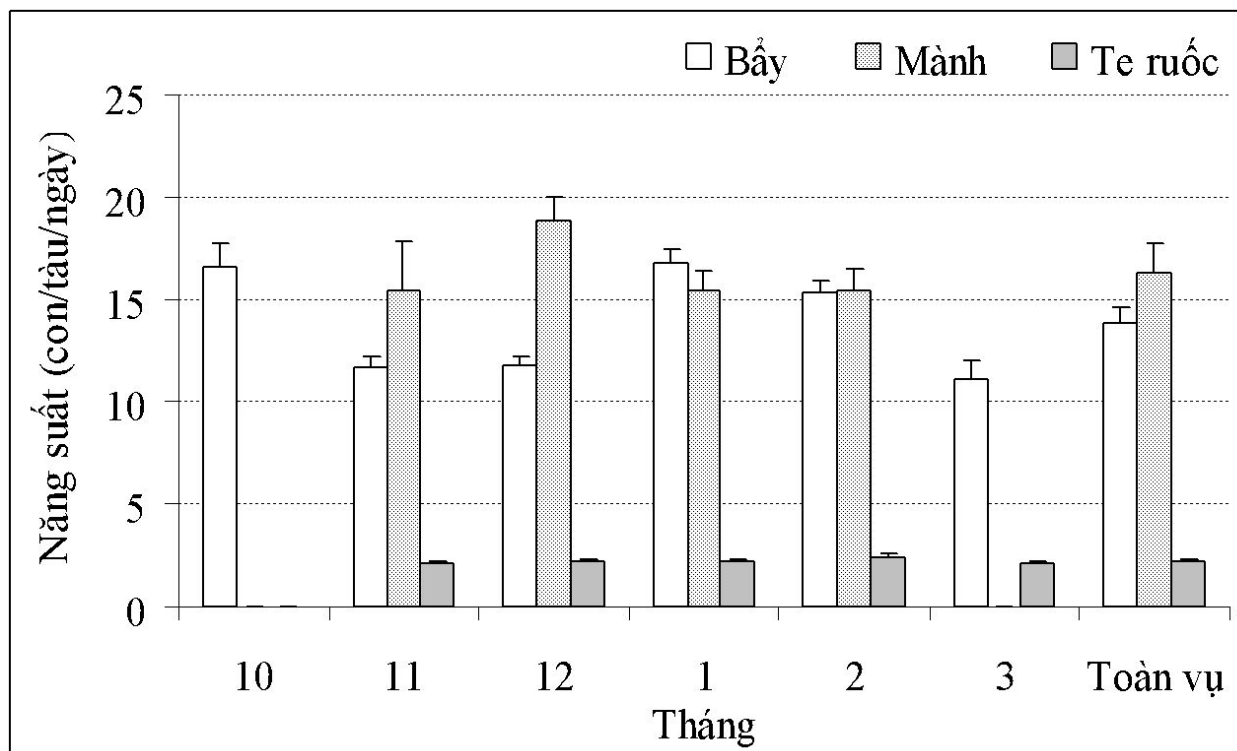
Nguồn giống tôm hùm

- Thành phần loài:** Có 7 loài tôm hùm giống được khai thác vùng ven bờ Đà Nẵng

Tên	Tổng	Tỉ lệ %
Họ Tôm hùm Palinuridae		
Tôm hùm xanh (<i>Panulirus homarus</i>)	81	65,85
Tôm hùm đỏ (sắt) (<i>Panulirus longipes</i>)	9	7,32
Tôm hùm bông (<i>Panulirus ornatus</i>)	20	16,26
Tôm hùm tre (<i>Panulirus polyphagus</i>)	8	6,50
Tôm hùm <i>Panulirus sp</i>	1	0,81
Tôm hùm xanh chân dài (<i>Panulirus stimpsoni</i>)	1	0,81
Tôm hùm ma (<i>Panulirus penicilatus</i>)	1	0,81
Tôm hùm sen (<i>Panulirus versicolor</i>)	2	1,63
Tổng	123	100

Nguồn giống tôm hùm

■ Năng suất



- Nghề mạnh: 16,28 con/phương tiện/ngày
- Nghề bẫy : 13,87 con/phương tiện/ngày
- Nghề te ruốc: 2,17 con/phương tiện/ngày.

Năng suất khai thác trung bình (con/phương tiện/ngày) theo tháng của các nghề

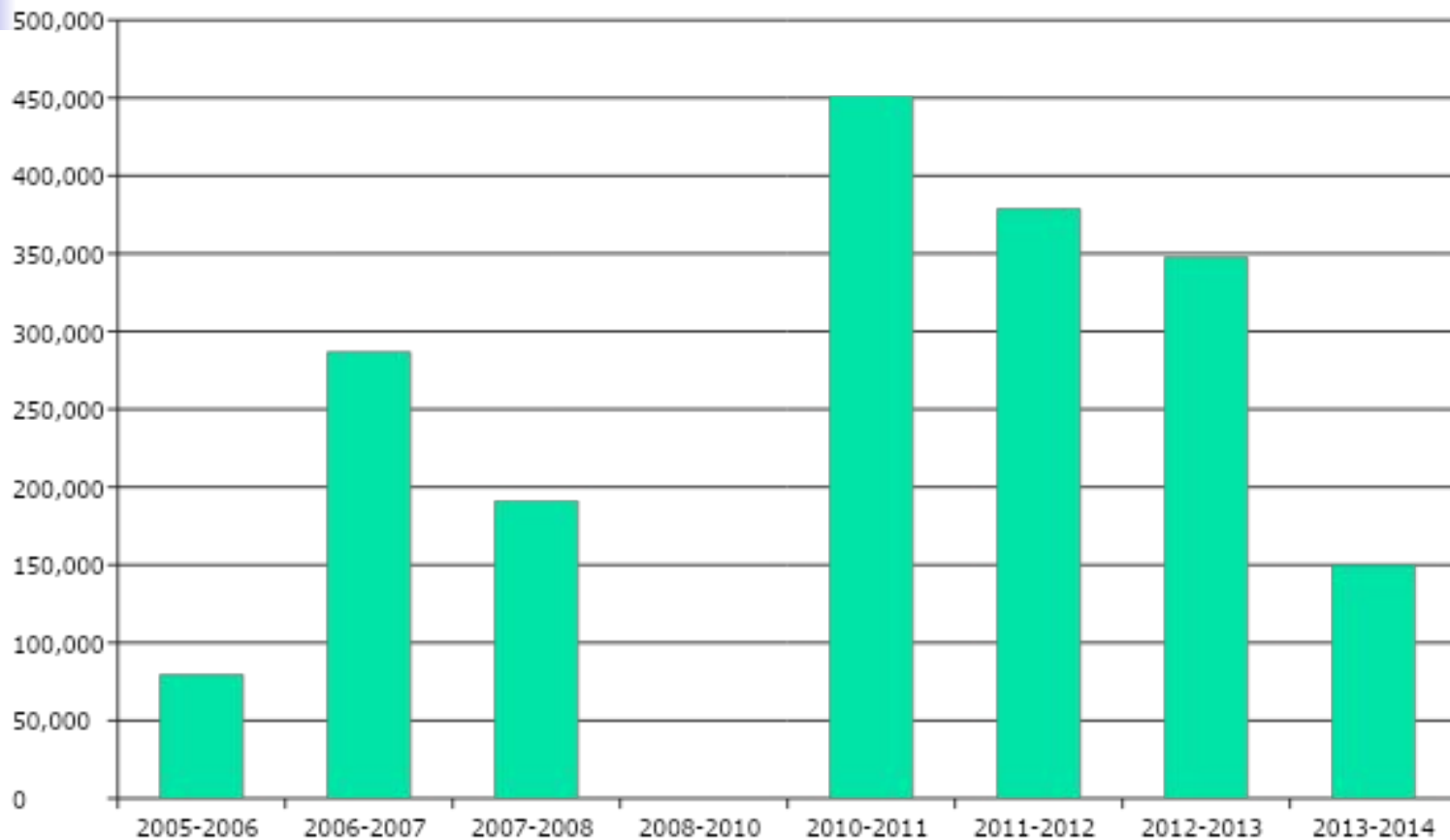
Nguồn giống tôm hùm

Sản lượng

Năm	Sản lượng (con)	Tác giả nghiên cứu
2005-2006	79.697	Nguyen Van Long & Dao Tan Hoc (2008)
2006-2007	287.138	Nguyen Van Long & Dao Tan Hoc (2008)
2007-2008	191.088	Nguyen Van Long & Dao Tan Hoc (2008)
2008-2010		Không có số liệu
2010-2011	451.220	Kết quả khảo sát
2011-2012	379.114	Kết quả khảo sát
Vụ chính 2012-2013	331.522	Kết quả khảo sát
Cả hai vụ 2012-2013	348.000	
Vụ chính 2013-2014	150.000	Kết quả khảo sát

Sản lượng tôm hùm giống từ năm 2005 đến nay

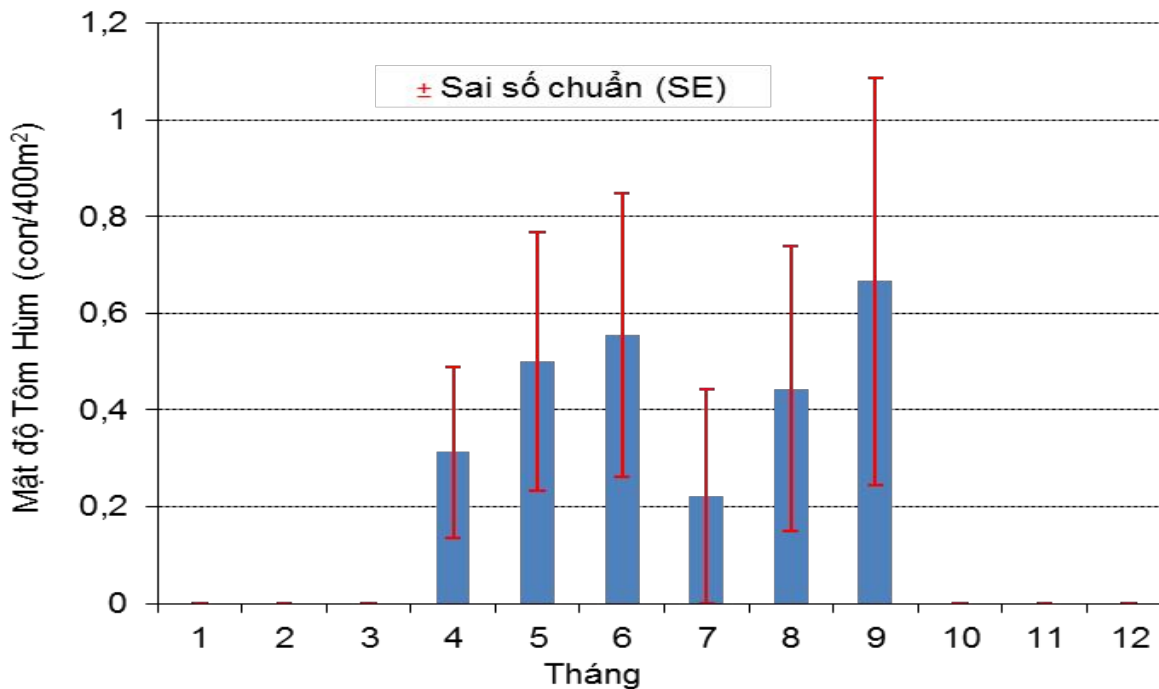
NGUỒN GIỐNG TÔM HÙM



Sản lượng tôm hùm giống từ năm 2005 đến nay

Nguồn giống tôm hùm

• Mật độ



Mật độ tôm hùm giống qua các tháng

- Mật độ trung bình tại 9 điểm khảo sát từ 0,22-0,66con/400m²
- Năng suất trong vụ chính từ 2-10con/ bẫy



Nguồn giống tôm hùm

- **Phân bố**

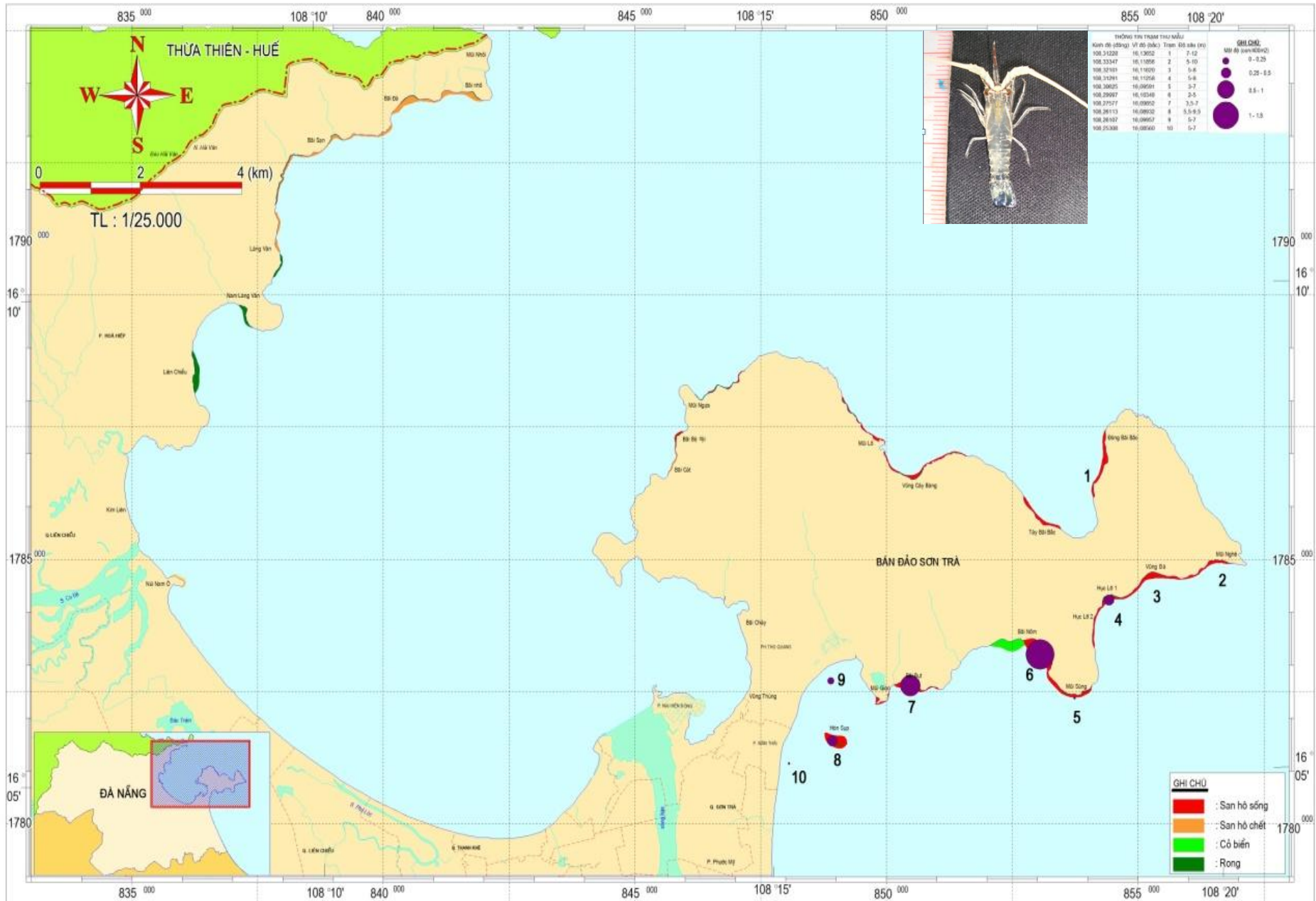
Bãi Nồm là nơi tôm hùm giống phân bố nhiều nhất với mật độ từ 1-1,5 con/400m²

Bãi Bụt :0,5-1con/400m²

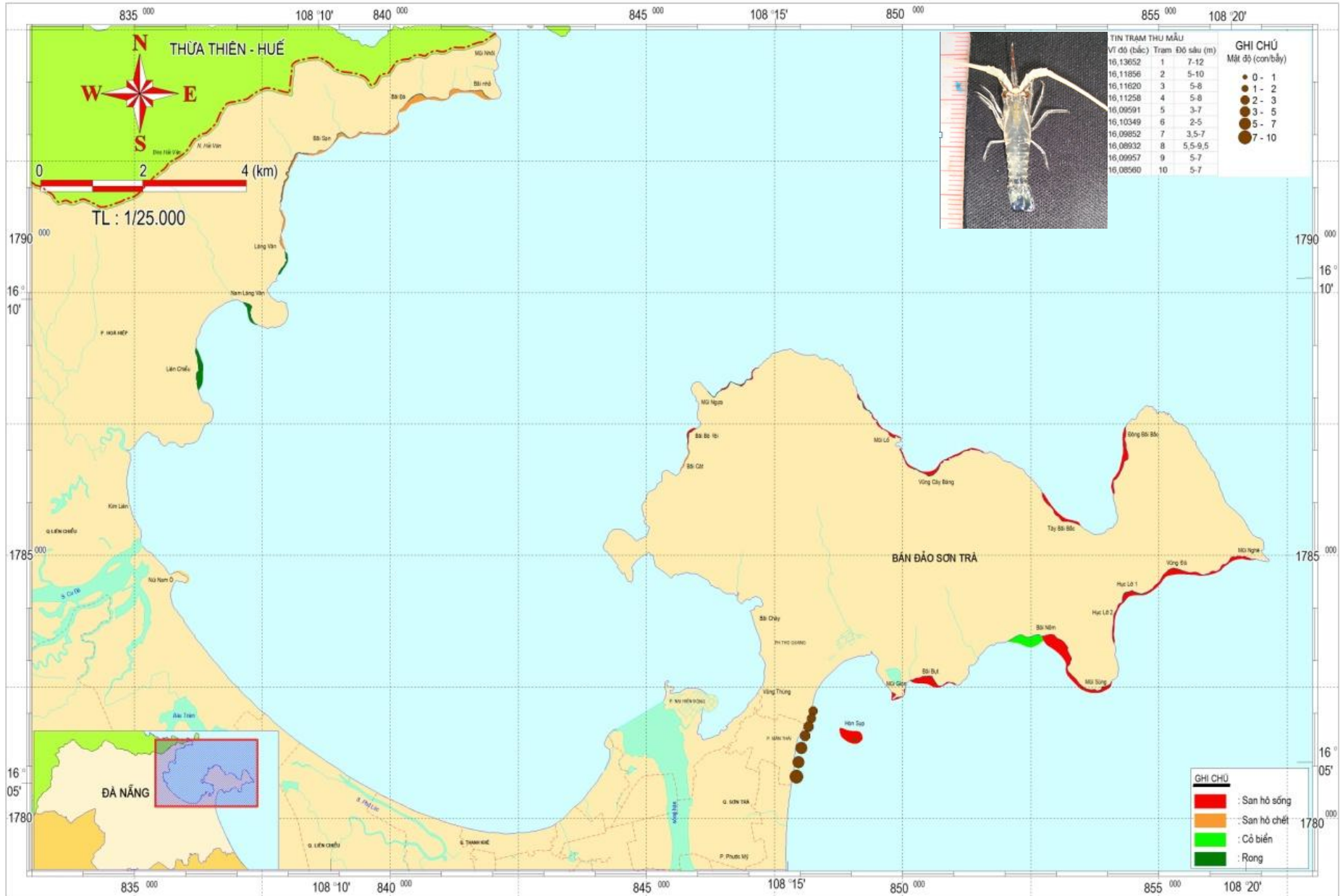
Hục Lữ và Hòn Sụp :0,25-0,5 con/400m²

Mũi Súng và ven bờ Mân Thái :0-0,25 con/400m²

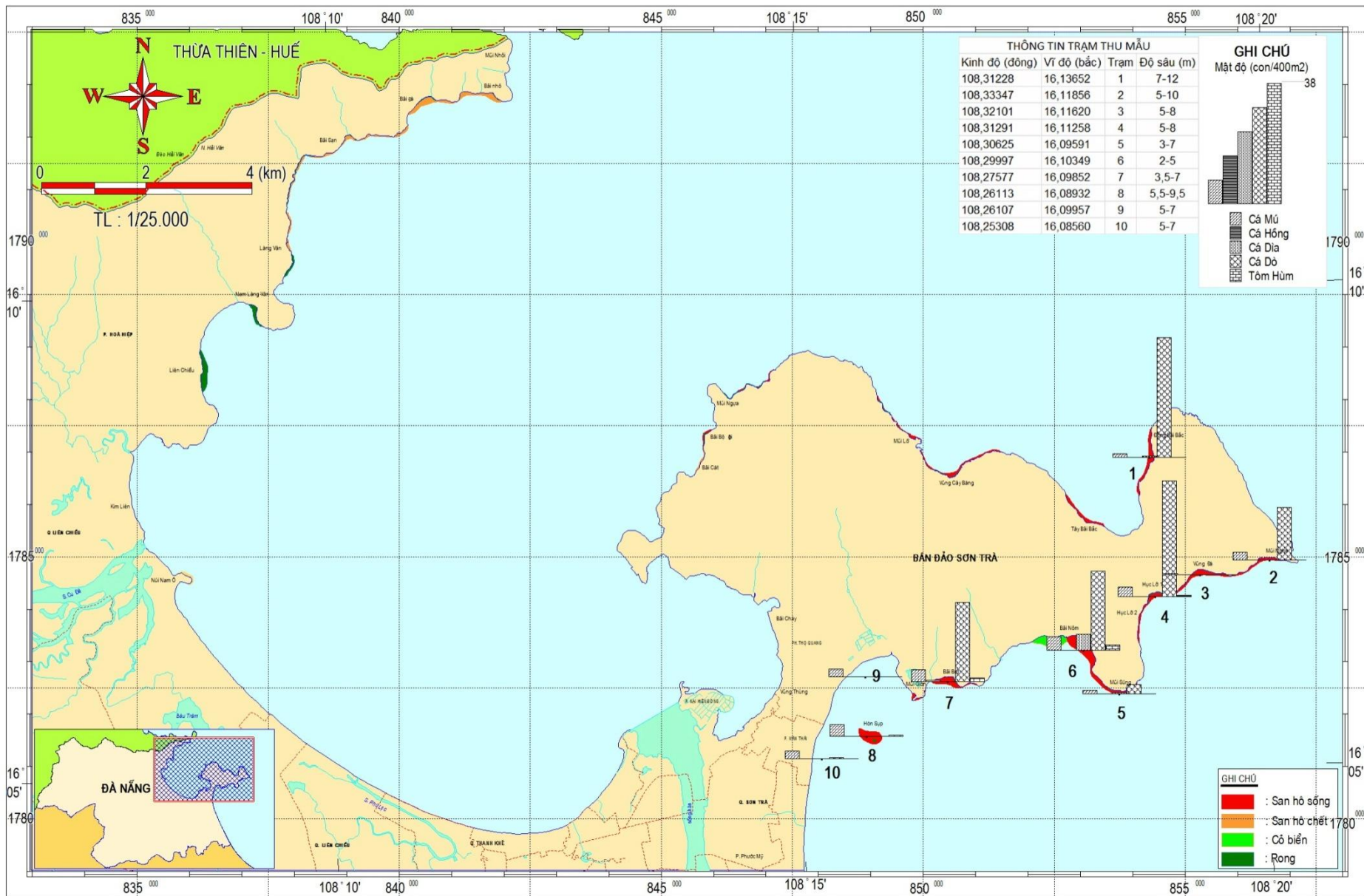
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ KHU VỰC XUẤT HIỆN TÔM HÙM GIỐNG



BẢN ĐỒ PHÂN BỐ KHU VỰC XUẤT HIỆN TÔM HÙM GIỐNG THU BẰNG BÃY



BẢN ĐỒ PHÂN BỐ KHU VỰC XUẤT HIỆN CON GIỐNG CÓ GIÁ TRỊNH KINH TẾ LIÊN QUAN RẠN SAN HỒ





Nội dung 3: HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN LỢI GIỒNG

- Thành phố đã ban hành một số một số dự án, đề án liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản tại khu vực bán đảo Sơn Trà:
 - + *Dự án Điểm trình diễn quốc gia về quản lý tổng hợp vùng bờ.*
 - + *Đề án bảo vệ san hô và các hệ sinh thái khu vực bán đảo Sơn Trà (Quyết định 7157/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)*
- Tuy nhiên đối với nguồn lợi tôm hùm và nguồn giồng cá khu vực san hô chưa có các quy định cụ thể để tổ chức quản lý

Nội dung 4:

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ
VÀ KHAI THÁC HỢP LÝ





QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN

- *Quan điểm tiếp cận hệ sinh thái trong nghề cá:* Sẽ không bền vững khi giải quyết các vấn đề cạn kiệt nguồn lợi thủy sản chỉ đơn thuần thông qua việc điều khiển các hoạt động khai thác thủy sản mà bỏ qua các vấn đề tương tác giữa con người với tự nhiên gây ra sự suy thoái của các hệ sinh thái, cụ thể là làm đứt đoạn các chuỗi thức ăn và mất quần cư
- *Quan điểm bảo tồn và sử dụng hợp lý:* Theo quan điểm này nguồn lợi được quản lí để bảo đảm bảo vệ được lâu dài và duy trì tính đa dạng sinh học, đồng thời bảo đảm cung cấp một cách bền vững các sản phẩm tự nhiên và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng.

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN

- *Quan điểm tiếp cận tổng hợp:*
Giải pháp đề xuất phù hợp với đặc điểm từng vùng sinh thái, tập quán văn hóa của từng địa và lợi ích của các bên liên quan cùng cộng tác sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lợi từ biển.





GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Xem xét cấp giấy phép hoạt động cho nghề màng tôm giống (qui định nguồn sáng, kích thước mắc lưới).
- Chuyển đổi cơ cấu ngành nghề khai thác để giảm áp lực khai thác lên vùng ven bờ.
- Cấm hoạt động của nghề bẫy.
- Xác định loài mục tiêu: quản lý bền vững các loài mục tiêu để đảm bảo sinh kế.

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Phục hồi các hệ sinh thái và tạo sinh cư (habitats) mới bằng cách tiếp tục nghiên cứu thả rạn nhân tạo.



GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật khai thác và lưu giữ con giống (Sử dụng máy sục khí, mật độ thấp)



Giải pháp quản lý

Giải pháp trước mắt

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức bảo vệ tài nguyên và khai thác bền vững nguồn lợi. (Tổ chức tập huấn, làm pano, áp phích, sổ tay...)
- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ san hô và các hệ sinh thái khu vực bán đảo Sơn Trà



Giải pháp quản lý

- Quản lý kích thước đánh bắt thông qua chủ nậu
- Tiếp tục mô hình đồng quản lý, các nhóm quản lý cộng đồng cũng tham gia quản lý kích thước đánh bắt



Giải pháp quản lý

■ Giải pháp trước mắt

- Thực hiện xã hội hóa trong việc thả phao khoanh vùng bảo vệ theo hình thức giao mặt nước cho các đơn vị kinh doanh du lịch để tổ chức thả phao vừa thực hiện bảo vệ vừa phát triển dịch vụ du lịch
- Khoanh vùng cấm khai thác con giống tại khu vực rạn san hô bán đảo Sơn Trà.
- Phát triển du lịch bền vững



Giải pháp quản lý



■ Giải pháp lâu dài

- Nghiên cứu các hướng dẫn để cấp giấy phép khai thác tiềm năng cho các hộ để quản lý.
- Tiến tới giao cho địa phương thành lập các tổ cộng đồng của mỗi nghề xây dựng quy chế, tổ chức giám sát, theo dõi lẫn nhau nhằm tự quản lý nguồn lợi ven bờ
- Hợp tác quốc tế



GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

- Quy hoạch và xây dựng quy chế cho các vùng khai thác





KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

- Có 4 loại nghề khai thác con giống: nghề bẫy (40%), nghề te ruốc (30%), nghề mảnh (22%) và nghề lặn (8%).
- Sản lượng tôm hùm giống khai thác giảm dần một cách rõ rệt từ năm 2010 đến nay (2014)
- Chất lượng nước biển ven bờ chưa bị ô nhiễm hữu cơ và đạt tiêu chuẩn QCVN 10: 2008/BTNMT.
- Có 14 loài cá thuộc 3 họ, 1 bộ. Trong đó, họ cá Mú (Serranidae) có 8 loài, họ cá Dìa (Siganidae) có 3 loài, họ cá Hồng (Lutjanidae) có 3 loài. Có 7 loài tôm hùm giống thuộc họ Palinuridae.



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Mùa vụ khai thác cá giống tại Đà Nẵng chủ yếu vào tháng 4 đến tháng 9 hàng năm. Mùa vụ khai thác tôm hùm chia làm 2 vụ: vụ chính : từ đầu tháng 10 đến hết tháng 2 năm sau, vụ phụ: tháng 4 đến hết tháng 9.
- Mật độ trung bình cá giống là 32 con/400 m². Tôm hùm giống trong vụ phụ là 0,8 con/400m², vào vụ chính năng suất đánh bắt trung bình của 1 bẫy là 4,75con/bẫy.



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Giải pháp quản lý khai thác bền vững nguồn lợi:
 - Xây dựng chính sách chuyển đổi ngành nghề, giảm áp lực khai thác ven bờ đồng thời cấm hoạt động của nghề bẫy tôm hùm.
 - Thiết lập khu duy trì nguồn giống vùng rạn san hô.
 - Phục hồi các hệ sinh thái và tiếp tục mô hình đồng quản lý.
 - Tăng cường công tác thanh tra
 - Quản lý kích thước đánh bắt thông qua chủ nậu, kết hợp mô hình đồng quản lý vào quản lý kích thước đánh bắt.



KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND Thành phố ban hành quy định cụ thể trong hoạt động du lịch biển nhằm cấm các hoạt động làm suy giảm hệ sinh thái và nguồn lợi. Tăng cường kiểm tra thực hiện quy định này.
- Có chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác ven bờ. Đa dạng hóa ngành nghề cho ngư dân vùng ven biển, giúp ngư dân bớt phụ thuộc kinh tế vào nguồn giống thủy sản.
- Thiết lập bổ sung một số điểm quan trắc môi trường biển.
- Cần có sự tham gia của ngành Quản lý tài nguyên môi trường và Thủy sản vào các quyết định liên quan đến phát triển du lịch biển.
- Cần có các quy định về đóng góp tài chính từ kinh doanh du lịch vào công tác bảo tồn và phục hồi nguồn lợi sinh vật biển.

XIN CÁM ƠN ĐÃ LẮNG NGHE

